



TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG COSHET

Coshet Environmental Technology Center

Trụ sở: LL4A Đường Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại: 028.38680842

Email: trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số: 592-06/24-2.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 13 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CẢNG HÀNG KHÔNG BUÔN MA THUỘT

2/ Địa chỉ : Thôn 3, xã Hòa Thắng, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

3/ Thời gian lấy mẫu : 03/06/2024

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50°C
3	Độ ẩm*	QCVN 46:2012/BTNMT	0÷100%RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46:2012/BTNMT	0,6÷40 m/s

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
592-06/24-2.3KKXQ1 Khu vực cổng ra vào. (X: 458.033, Y: 1.400.592)	59	29,4	68,7	0,7
592-06/24-2.3KKXQ2. Khu vực hành lang nhà ga (X: 458.264, Y: 1.400.602)	65	29,5	69,1	0,6
592-06/24-2.3KKXQ3. Khu vực sân đỗ máy bay (X: 458.227, Y: 1.400.752)	70	29,6	69,6	0,6
592-06/24-2.3KKXQ4 Khu vực đường băng (X: 458.156, Y: 1.401.026)	74	29,5	68,6	0,8
592-06/24-2.3KKXQ5 Khu vực hệ thống XLNT (X: 458.414, Y: 1.400.643)	62	29,6	69,7	0,6
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN 26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ – 21 giờ: 70 21 giờ – 6 giờ: 55		-	-

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy



Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/4

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Được quét bằng CamScanner

Số: 592-06/24-2.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 13 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CẢNG HÀNG KHÔNG BUÔN MA THUẬT

2/ Địa chỉ : Thôn 3, xã Hòa Thắng, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

3/ Thời gian lấy mẫu : 03/06/2024

4/ Loại mẫu : Độ rung

5/ Phương pháp thực hiện:

Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
Độ rung	TCVN 6963:2001*	30 ÷ 130 dBA
	TCVN 6964-1:2001** (ISO 2631-1:1997)	0,01 (m/s ²)

KẾT QUẢ MỨC GIA TỐC RUNG

Điểm Đo	Thời gian (h)	Mức gia tốc rung (dB)
592-06/24-2.3KKXQ1 Khu vực cổng ra vào. (X: 458.033, Y: 1.400.592)	11h00'	60
592-06/24-2.3KKXQ2. Khu vực hành lang nhà ga (X: 458.264, Y: 1.400.602)	11h10'	60
592-06/24-2.3KKXQ3. Khu vực sân đỗ máy bay (X: 458.227, Y: 1.400.752)	11h20'	60
592-06/24-2.3KKXQ4 Khu vực đường băng (X: 458.156, Y: 1.401.026)	11h30'	60
592-06/24-2.3KKXQ5 Khu vực hệ thống XLNT (X: 458.414, Y: 1.400.643)	11h40'	66
Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất thương mại dịch vụ tại khu vực thông thường (QCVN 27:2010/BTNMT)	6 giờ - 21 giờ	70
	21 giờ - 6 giờ	60

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

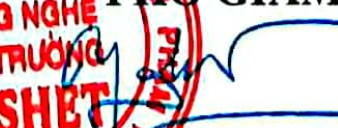
(*): Chỉ tiêu Rung đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Sở y tế –UBND TP.Hồ Chí Minh công nhận

Khu vực thông thường: gồm khu chung cư, các nhà ở riêng lẻ, nằm cách biệt hoặc liền kề khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy


**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hà Thụy Ngọc Diễm

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/4

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Số: 592-06/24-2.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 13 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CẢNG HÀNG KHÔNG BUÔN MA THUỘT

2/ Địa chỉ : Thôn 3, xã Hòa Thắng, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

3/ Thời gian lấy mẫu : 03/06/2024

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	0,015 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	0,006 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)
592-06/24-2.3KKXQ1 Khu vực cổng ra vào. (X: 458.033, Y: 1.400.592)	0,16	1,59	0,042	0,020
592-06/24-2.3KKXQ2. Khu vực hành lang nhà ga (X: 458.264, Y: 1.400.602)	0,14	1,72	0,044	0,029
592-06/24-2.3KKXQ3. Khu vực sân đỗ máy bay (X: 458.227, Y: 1.400.752)	0,18	1,65	0,037	0,025
592-06/24-2.3KKXQ4 Khu vực đường băng (X: 458.156, Y: 1.401.026)	0,15	1,59	0,041	0,028
592-06/24-2.3KKXQ5 Khu vực hệ thống XLNT (X: 458.414, Y: 1.400.643)	0,22	1,97	0,056	0,034
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2023/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

Kết quả thử nghiệm được tính ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân, tương đương mg/Nm³.

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy


KẾT GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Thụy Ngọc Diễm

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/4

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Số: 592-06/24-2.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 13 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CẢNG HÀNG KHÔNG BUÔN MA THUỘT

2/ Địa chỉ : Thôn 3, xã Hòa Thắng, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

3/ Thời gian lấy mẫu : 03/06/2024

4/ Loại mẫu : 592-06/24-2.3NT.Nước thải tại ống xả đầu ra của hệ thống XLNT.

Toạ độ X: 458.423, Y: 1.400.654

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(30,7°C)	-	7,12	2÷12	5 – 9	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	28	1,5	50	100	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	9	1,0	30	50	TCVN 6001-1:2021
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)*	mg/L	46	0÷1.999	500	1000	SOP_HTN05
5	Sunfua*	mg/L	KPH	0,015	1	4	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)**	mg/L	KPH	0,010	5	10	TCVN 6179-1:1996
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ , tính theo N)*	mg/L	0,25	0,015	30	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ , tính theo P)**	mg/L	4,80	0,011	6	10	TCVN 6202:2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	KPH	0,3	10	20	SMEWW 5520.B&F:2023
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,084	0,012	5	10	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	1.300	2	3.000	5.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET
Hà Thủy Ngọc Diễm

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/4

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Được quét bằng CamScanner



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.01.94	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/01/2025 Trang/Page: 1/4
-----------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer

: CẢNG HÀNG KHÔNG BUÔN MA THUỘT

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location

: CẢNG HÀNG KHÔNG BUÔN MA THUỘT

Địa chỉ/ Address

: Thôn 3, xã Hòa Thắng, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 25/12/2024

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 26/12/2024 – 02/01/2025

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

: Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director



Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

↳ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

↳ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

↳ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.01.94	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/01/2025 Trang/Page:2/4
-----------------	---	------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KX.122513 – Khu vực cổng ra vào (X=1400 584; Y=457 990) KX.122514 – Khu vực hành lang nhà ga (X=1400 643; Y=458 312) KX.122515 – Khu vực hệ thống XLNT (X=1400 630; Y=458 416)

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT
					KX.122513	KX.122514	KX.122515		
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018(*)	67,7	66,2	65,1	≤70	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT(*)	27,1	26,9	27,3	-	-
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT(*)	72,6	70,1	72,2	-	-
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT_KKXQ	SOP.10HT_KKXQ(*)	0,5	0,2	0,3	-	-
5	Bụi	µg/Nm³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	135	141	145	-	300
6	SO ₂	µg/Nm³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(*)	45,7	52,3	56,4	-	350
7	CO	µg/Nm³	HDLM-KK01	HDPT-KK01(*)	4.045	KPH (MDL=3.110)	3.941	-	30.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.01.94	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/01/2025 Trang/Page: 3/4
-----------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Tiếng ồn, vi khí hậu & không khí xung quanh
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KX.122516 – Khu vực sân đỗ máy bay (X=1400 752; Y=458 227) KX.122517 – Khu vực đường băng (X=1401 026; Y=458 414)

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result		QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT
					KX.122516	KX.122517		
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	TCVN 7878-2:2018 ^(*)	65,8	68,2	≤70	-
2	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)	27,6	27,5	-	-
3	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT ^(*)	72,4	72,5	-	-
4	Tốc độ gió	m/s	SOP.10HT KKXQ	SOP.10HT KKXQ ^(*)	0,6	0,7	-	-
5	Bụi	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995 ^(*)	142	145	-	300
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995 ^(*)	46,8	47,9	-	350
7	CO	µg/Nm ³	HDLM-KK01	HDPT-KK01 ^(*)	3.852	3.925	-	30.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM ✦
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy. Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.01.94	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/01/2025 Trang/Page: 4/4
-----------------	---	-------------------------------

Loại mẫu/ Type of sample	: Nước thải
Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: NT.122509 – Nước thải tại cống xả đầu ra của hệ thống XLNT (X=1400 654; Y=458 422)
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 14:2008/BTNMT CỘT B
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	6,04	5,5 – 9
2	TDS	mg/L	ĐNHT-N05 ^(*)	371	1.000
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	25	100
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	23	50
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	0,897	10
6	NO ₃ ⁻ _N	mg/L	SMEWW 4500NO ₃ ⁻ .E:2017 ^(*)	2,41	50
7	PO ₄ ³⁻ _P	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	0,514	10
8	S ²⁻ _H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,04)	0,5
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,5)	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6336:1998 ^(*)	1,23	10
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 ^(*)	1,7×10 ³	5.000

Ghi chú/ Note:

(*): Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM

CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM

☎ 0949 825 262

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,

Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,

P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

🌐 http://duonghuynhenv.vn

Được quét bằng CamScanner



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.01.44	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/01/2025 Trang/Page: 1/2
-----------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CẢNG HÀNG KHÔNG BUÔN MA THUỘT

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : CẢNG HÀNG KHÔNG BUÔN MA THUỘT

Địa chỉ/ Address : Thôn 3, xã Hòa Thắng, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 25/12/2024

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 26/12/2024 – 02/01/2025

Kết quả thử nghiệm/ Testing results : Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director



Đương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

✦ 528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vlmcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

✦ Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vlmcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

✦ Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vlmcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.01.44	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	03/01/2025 Trang/Page: 2/2
-----------------	---	-------------------------------

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample	: KX.122513 – Khu vực cổng ra vào (X=1400 584; Y=457 990) KX.122514 – Khu vực hành lang nhà ga (X=1400 643; Y=458 312) KX.122515 – Khu vực hệ thống XLNT (X=1400 630; Y=458 416) KX.122516 – Khu vực sân đỗ máy bay (X=1400 752; Y=458 227) KX.122517 – Khu vực đường băng (X=1401 026; Y=458 414)
-----------------------------	--

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU VÀ PHÂN TÍCH

TT No	Thông số Parameters	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method
1	Hơi khí độc CO ₂	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT

KẾT QUẢ ĐO CÁC YẾU TỐ TRONG MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Kết quả Result					QCVN 03:2019/ BYT
			KX.122513	KX.122514	KX.122515	KX.122516	KX.122517	
1	CO ₂ (a)	mg/m ³	824	863	918	543	557	9.000

Ghi chú/ Note:

(a): Chỉ tiêu được công nhận theo QĐ 6686/SYT-NVY.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
🌐 http://duonghuynhenv.vn